

KHC
TĐ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THÚ Y

(Ban hành theo Quyết định số 494/QĐ-ĐHTĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y được điều chỉnh năm 2018 nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan. Sinh viên học tập tại Khoa Sinh học ứng dụng được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ về khoa học, kỹ thuật công nghệ và nghề nghiệp, để trở thành một Bác sĩ Thú y có chất lượng cao và đảm trách được các công việc trong lĩnh vực Thú y.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành đào tạo: THÚ Y

Tên văn bằng: Thú y

Mã ngành: 7640101

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tây Đô

Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Tây Đô

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Kỹ sư Thú y

Trình độ: Đại học

Thời gian: 4,5 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô

2.1.1 Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2.1.2 Tầm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng

đồng. Phấn đấu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

2.1.3 Mục tiêu phát triển đến 2035

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: du lịch, kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khoẻ cho người và vật nuôi vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Khoa/Bộ môn

2.2.1 Sứ mạng

Đào tạo đa ngành nghề theo hướng ứng dụng và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội;

2.2.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2022 và tầm nhìn đến năm 2030

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực hướng đến nâng cao chất lượng chuyên môn đội ngũ giảng viên, chuyên viên theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Đại học Tây Đô theo định hướng Đại học nghiên cứu ứng dụng.

Tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và công tác quản lý đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng đào tạo; gắn đào tạo với cộng đồng

Duy trì ngành đào tạo đang có và tiếp tục mở các ngành mới phù hợp với nhu cầu xã hội và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra cần tìm hiểu nhu cầu thực tiễn mới để mở thêm các ngành cần thiết cho vùng.

Duy trì mối quan hệ hiện có và mở rộng mối quan hệ với các đối tác địa phương, đặc biệt là các doanh nghiệp, xí nghiệp, công ty trong đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ. Xây dựng định hướng chiến lược dài hạn trong NCKH và Phát triển công nghệ

2.3. Mục tiêu của chương trình

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Thú y đào tạo kỹ sư Thú y có kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững vàng, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội về lĩnh vực thú y; có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, năng động, sáng tạo; và có khả năng hội nhập quốc tế.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

G1: Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng Đảng Cộng Sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

G2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội, pháp luật đại cương, công nghệ thông tin và ngoại ngữ;

G3: Có kiến thức vững chắc về giải phẫu, tổ chức, sinh lý học, dược lý học, miễn dịch học thú y;

G4: Tổ chức, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thú y (thuốc thú y, vắc xin, các chế phẩm sinh học);

G5: Thực hiện được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng gia súc gia cầm đúng kỹ thuật;

G6: Thực hiện được quy trình vệ sinh phòng bệnh và phòng bệnh bằng thuốc, vắc xin;

G7: Chẩn đoán được bệnh bằng các phương pháp chẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng;

G8: Tổ chức thực hiện điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm;

G9: Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật liên quan đến thú y;

G10: Xây dựng, tổ chức thực hiện quy trình phòng bệnh, điều trị bệnh theo hướng hiện đại, hữu cơ, dược liệu và an toàn sinh học.

G11: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm và kỹ năng mềm để tự phát triển nghề nghiệp, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Thú y.

G12: Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với cộng đồng.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Kiến thức

3.1.1. Kiến thức chung

Chuẩn đầu ra	Giải thích
K1	Vận dụng kiến thức về lý luận chính trị, Quốc phòng - An ninh thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước liên quan đến công tác quản lý, điều trị, chăm sóc vật nuôi, thú cưng.
K2	Áp dụng tốt các kiến thức cơ bản về toán học, sinh học, khoa học tự nhiên và xã hội, pháp luật đại cương, công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong các công việc lĩnh vực chăn nuôi – thú y.

3.1.2. Kiến thức nghề nghiệp

Chuẩn đầu ra	Giải thích
K3	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về giải phẫu động vật, tổ chức phôi thai học, sinh lý, hóa sinh động vật, giải phẫu bệnh, vi sinh vật thú y vào các hoạt động chuyên môn như chẩn đoán, xét nghiệm và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực Thú y và

Chuẩn đầu ra	Giải thích
	Chăn nuôi;
K4	Ứng dụng được các kiến thức về dược lý, dược liệu, độc chất và miễn dịch học để làm cơ sở xây dựng biện pháp phòng và điều trị bệnh đạt hiệu quả cao. Ngoài ra ứng dụng được các kiến thức về dịch tễ học, vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm nghiệm sản phẩm động vật, các bệnh truyền lây và Luật thú y để lựa chọn, đề xuất xây dựng và tổ chức thực hiện các quy trình kiểm soát dịch bệnh động vật, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường chăn nuôi, góp phần bảo vệ sức khỏe của cộng đồng;
K5	Vận dụng được các kiến thức về bệnh truyền nhiễm, Bệnh nội khoa, ngoại khoa, sản khoa và thụ tinh nhân tạo, và Bệnh ký sinh trùng để chẩn đoán, xây dựng quy trình phòng trị bệnh cho vật nuôi. Áp dụng các kỹ thuật chẩn đoán lâm sàng và các xét nghiệm phòng thí nghiệm để phục vụ công tác chẩn đoán, điều trị và khống chế dịch bệnh động vật; thiết kế, triển khai các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực thú y, bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp trong tương lai.
K6	Ứng dụng được các kiến thức căn bản về kỹ thuật chăn nuôi và quản lý đàn gia súc gia cầm trong công tác quản lý và kiểm soát dịch bệnh nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi. Vận dụng được các kiến thức căn bản về bệnh động vật hoang dã trong việc quản lý và kiểm soát bệnh trên vật nuôi và các bệnh truyền lây giữa người và động vật.
K7	Vận dụng các kiến thức căn bản về đạo đức nghề nghiệp trong việc chăm sóc và sử dụng động vật; trong việc chẩn đoán, phòng và trị bệnh động vật. các kiến thức về pháp luật về thú y vào các lĩnh vực kinh doanh thuốc thú y, con giống và các sản phẩm liên quan đến động vật; quản lý nhà nước về lĩnh vực thú y.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng mềm

Chuẩn đầu ra	Giải thích
S8	Có kỹ năng tự học hỏi, khám phá, tìm tòi và tư duy phản biện; làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; giao tiếp tốt, hợp tác và làm việc với cộng đồng; có kỹ năng tổ chức quản lý và điều hành thích ứng

Chuẩn đầu ra	Giải thích
	với môi trường sống và làm việc; có kỹ năng lập kế hoạch công việc khoa học, hợp lý.
S9	Sử dụng tốt tin học văn phòng, khai thác internet, soạn thảo và lưu trữ văn bản đáp ứng công việc cơ bản. Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (tương đương trình độ TOEIC \geq 450 điểm) để trao đổi thông tin về các chủ đề thông dụng và đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công tác.

3.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

Chuẩn đầu ra	Giải thích
S10	Kỹ năng thực hiện thành thạo các kỹ thuật lâm sàng, cận lâm sàng và lấy mẫu bệnh phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. Sử dụng được thành thạo một số máy móc, phương tiện hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn thú y; các loại vắc-xin, thuốc thú y và dược liệu trong phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi. Đưa ra kết luận chẩn đoán sơ bộ và biện pháp phòng trị khi gặp một ca bệnh, ổ dịch; lên kế hoạch xử lý, phối hợp với các bộ phận liên quan để đạt hiệu quả công việc.
S11	Có kỹ năng phân tích được các yếu tố nguy cơ trong vệ sinh an toàn thực phẩm; Thực hiện các quy trình kiểm soát vệ sinh giết mổ. Lập kế hoạch, tổ chức, sắp xếp và đánh giá kết quả công việc chuyên môn về thú y được giao; chủ trì tổ chức tư vấn chuyên môn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người chăn nuôi; tổ chức, điều hành phòng khám thú y và trang trại chăn nuôi.
S12	Kiểm soát được các bệnh truyền lây thông qua lấy mẫu, chẩn đoán, theo dõi nguồn bệnh và sự lan truyền của bệnh, thực hiện các điều tra về bệnh; Thực hiện được các phương pháp kiểm soát sự di chuyển của động vật và sản phẩm động vật, cách li các động vật mắc bệnh, khoanh vùng các đối tượng, khu vực mắc và nghi mắc, tiêu hủy các động vật và sản phẩm bị nhiễm bệnh.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt năng lực tự chủ và trách nhiệm như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
C13	Cẩn thận, chuyên nghiệp, trung thực, công bằng và khách quan khi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; có tình yêu thương đối với động vật; nhiệt tình và trách nhiệm cao khi chăm sóc, sử dụng, chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho động vật.
C14	Tự tin đương đầu với khó khăn, nhiệt tình, say mê sáng tạo và khát vọng vươn lên trở thành chuyên gia, nhà lãnh đạo chuyên môn; làm việc một cách khoa học và sắp xếp công việc một cách hợp lý để nâng cao hiệu quả công việc.
C15	Chủ động tự học tập, đề xuất và triển khai các ý tưởng nghiên cứu chuyên môn tích lũy kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

3.4. Ma trận tích hợp Mục tiêu và CĐR của chương trình

Mục tiêu	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	S8	S9	S10	S11	S12	C13	C14	C15
G1	X														
G2		X											X		
G3			X	X											
G4			X				X								
G5					X	X	X					X	X	X	X
G6			X	X	X		X			X		X	X	X	X
G7			X	X	X		X			X		X	X	X	X
G8			X		X		X			X		X	X	X	X
G9					X						X		X	X	X
G10			X	X						X	X	X	X	X	X
G11								X	X				X	X	
G12			X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Thú y có thể công tác trong các vị trí, lĩnh vực và đơn vị sau:

Vị trí làm việc:

- Làm việc trong các Bệnh viện, phòng khám thú y, cửa hàng thuốc thú
- Chủ cửa hàng thức ăn chăn nuôi
- Chủ trang trại chăn nuôi
- Chủ cơ sở sản xuất thuốc thú y
- Giám đốc, nhân viên tư vấn kỹ thuật
- Giám đốc, nhân viên phát triển thị trường
- Cán bộ giám sát, quản lý chất lượng
- Kỹ thuật viên tại các trang trại
- Nhân viên, kỹ thuật viên phòng thí nghiệm
- Cán bộ quản lý, nhân viên tại các cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực thú y
- Cán bộ Khuyến nông tập huấn về lĩnh vực thú y
- Chuyên viên quản lý khoa học và công nghệ
- Giảng viên, giáo viên
- Nhân viên kinh doanh các sản phẩm và thiết bị, vật tư Thú y

Lĩnh vực và đơn vị công tác:

- Làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước: Bộ Nông nghiệp, Sở Nông nghiệp, Cục thú y, Cục Chăn nuôi, Viện Thú y, Viện Chăn nuôi, Trung tâm thú y vùng, Trung tâm giống, Chi cục Chăn nuôi - Thú y, Trạm thú y...;
- Làm công tác giáo dục tại các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp có đào tạo chuyên ngành Thú y, Chăn nuôi;
- Hoạt động trong các tổ chức phi chính phủ, trung tâm cứu hộ và bảo tồn động vật;
- Làm việc tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thú y - Chăn nuôi: Công ty thuốc thú y, Công ty thức ăn Chăn nuôi; Công ty sản xuất và phân phối dụng cụ Thú y;
- Làm việc tại các trang trại chăn nuôi: Trang trại chăn nuôi heo; Trang trại chăn nuôi bò; Trang trại chăn nuôi gà; Trang trại chăn nuôi vịt; Trang trại chăn nuôi dê, thỏ; Trang trại chăn nuôi đà điểu; Trang trại chăn nuôi động vật hoang dã...
- Làm việc tại các Đại lý thuốc thú y: Đại lý cấp 1, Đại lý cấp 2;
- Hoạt động chuyên môn và quản lý tại các Bệnh viện thú y, phòng khám thú y;
- Bác sỹ thú y tự tạo lập doanh nghiệp hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Thú y;

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo, hướng dẫn của Trường Đại học Tây Đô

- Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Phương thức tuyển sinh:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 để xét tuyển.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc Gia.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa theo kết quả học tập ở bậc THPT.

Hình thức 1 (xét tuyển theo điểm tổ hợp 03 môn cả năm lớp 12):

+ ĐTBBC = (ĐTB lớp 12 môn 1 + ĐTB lớp 12 môn 2 + ĐTB lớp 12 môn 3)

+ Điểm ưu tiên (ĐƯT) = điểm ƯT KV + điểm ƯT ĐT

+ Điểm xét tuyển (ĐXT) = ĐTBBC + ĐƯT (ĐXT làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Điểm xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định

Hình thức 2 (xét tuyển theo điểm trung bình cả năm lớp 12):

ĐTBBC = ĐTB cả năm lớp 12

+ Điểm ưu tiên (ĐƯT) = điểm ƯT KV + điểm ƯT ĐT

+ Điểm xét tuyển (ĐXT) = ĐTBBC + ĐƯT (ĐXT làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: ĐTBBC từ 6.0 trở lên.

* Yêu cầu xét tuyển thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên.

- Tổ hợp xét tuyển:

+ Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)

+ Khối B00 (Toán, Hóa, Sinh)

+ Khối D07 (Toán, Hóa, Anh)

+ Khối D08 (Toán, Sinh, Anh)

5.2. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

5.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Thú y học cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp).

- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).

- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba, năm tư hay năm cuối đại học).

- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;

- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng Bài học Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán Trình diễn mẫu Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy	Yêu cầu

	gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.
- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người Bác sĩ Thú y.
- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1 Quy trình đánh giá học phần

Kiểm tra đánh giá học phần của CTĐT được thực hiện theo quy định ban hành kèm theo quyết định số 1052/QĐ-ĐHTĐ, ngày 25/12/2017;

7.2 Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do Bộ môn/Khoa chủ quản CTĐT đề xuất trình PĐT, được hiệu trưởng phê duyệt và được ghi trong đề cương chi

tiết của học phần. Giảng viên phụ trách có trách nhiệm thông báo đến sinh viên trong buổi học đầu tiên của học phần.

- *Đối với các học phần có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:* Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp của học phần gồm các điểm đánh giá như sau:

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia thảo luận và tính chuyên cần	10%
2	Kiểm tra, thực hành, báo cáo thuyết trình.....	Từ 20%- 40%
3	Kiểm tra kết thúc học phần	Từ 50-70%

- *Đối với học phần thực hành:* sinh viên tham gia đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình của các bài thực hành là điểm kết thúc môn học, tính trọng số 100%
- *Điểm học phần thực tập giáo trình:* Điểm đánh giá là trung bình cộng của các giảng viên hướng dẫn, là tổng điểm trọng số 100% gồm các thành phần điểm chuyên cần, bài báo cáo và vấn đáp.
- *Đối với học phần Khóa luận:* lấy trọng số 100%. Điểm đánh giá là trung bình cộng của 3 thành viên hội đồng đánh chấm Khóa luận (chủ tịch Hội đồng, giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện), hoặc là điểm trung bình của GV chấm 1, chấm 2 đối với tiểu luận.

7.3 Thang điểm

Thang điểm 10 sau đó qui đổi thành thang điểm 4

Thang điểm quy đổi đối với học phần:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

7.4 Một số Rubric đánh giá trong chương trình

Rubric đánh giá khóa luận (dành cho người hướng dẫn)

Tiêu chí đánh giá	Yếu	Trung Bình	Khá	Giỏi	Điểm
	0 - 1,5	1,6 - 2,5	2,6 - 3,5	3,6 – 4, 5	
Nội dung	Nội dung giữa các chương không có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung không phù hợp với tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Tất cả các phân tích nhận định không có cơ sở. Nhiều ý phân tích thiếu mạch lạc, mâu thuẫn nhau.	Nội dung giữa các chương thiếu sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung chưa phù hợp hoàn toàn vào tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.	Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài, nhưng phân tích sơ sài, chưa chi tiết, và chưa tập trung giải quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở.	Nội dung giữa các chương có sự liên kết. Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài. Phân tích chi tiết, và tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở.	
	0 – 0,4	0,5 – 0,8	0,9 – 1,2	1,3 – 1,5	
Kỹ năng nghiên cứu thực nghiệm	Không tìm hiểu quy trình và nguyên tắc an toàn trước khi làm thực nghiệm. Không biết bố trí thí nghiệm thực nghiệm khoa học	Nắm vững quy trình (theo TLTK) và nguyên tắc an toàn trước khi làm thực nghiệm. Biết bố trí thí nghiệm thực nghiệm khoa học.	Nắm vững quy trình (theo TLTK) và nguyên tắc an toàn trước khi làm thực nghiệm. Biết bố trí thí nghiệm thực nghiệm khoa học. Thao tác thí nghiệm chính xác, cẩn thận.	Nắm vững quy trình (theo TLTK) và nguyên tắc an toàn trước khi làm thực nghiệm. Biết bố trí thí nghiệm thực nghiệm khoa học. Thao tác thí nghiệm chính xác, cẩn thận. Tự quản lý tốt hóa chất, dụng cụ.	
Trích	0 – 0,4	0,5 – 0,6	0,7 – 0,8	0,9 – 1,0	

dẫn và tài liệu tham khảo	Có rất ít tài liệu tham khảo. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có rất nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Tài liệu tham khảo không phong phú. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Tài liệu tham khảo khá phong phú. Có một số lý thuyết (khái niệm) chưa được trích dẫn. Có một số bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn đầy đủ.	Tài liệu tham khảo rất phong phú. Có trích dẫn đầy đủ các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Các bảng biểu được đặt tên, đánh số đầy đủ, được ghi nguồn đầy đủ (trừ những bảng biểu do tác giả tự phân tích, tính toán)	
Câu văn và từ ngữ	0 – 0,9	1,0 – 1,3	1,4 – 1,7	1,8 – 2,0	
	Triển khai các ý thiếu rõ ràng, mâu thuẫn nhau và lộn xộn. Rất nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, rất nhiều lỗi chính tả.	Triển khai các ý thiếu rõ ràng và lộn xộn. Nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, nhiều lỗi chính tả.	Triển khai các ý thiếu rõ ràng. Có một số lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, có một số lỗi chính tả.	Triển khai các ý rõ ràng, liên mạch. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với hoàn cảnh. Câu văn mạch lạc, không có lỗi chính tả.	
Thái độ	0 – 0,4	0,5 – 0,6	0,7 – 0,8	0,9 – 1,0	
	Rất ít khi liên lạc với GV để duyệt bài.	Thỉnh thoảng liên lạc với GV để duyệt bài.	Thường xuyên liên lạc với GV để duyệt bài.	Rất thường xuyên liên lạc với GV để duyệt bài.	
Tổng điểm:					

Rubric đánh giá khóa luận dành cho chủ tịch HĐ và người phản biện

Tiêu chí đánh giá	Yếu	Trung Bình	Khá	Giỏi	Điểm
Cấu trúc	0 – 0,4	0,5 – 0,6	0,7 – 0,8	0,9 – 1,0	
	Xác định không đúng mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức không hợp lý. Không có sự liên kết giữa các chương.	Chưa xác định rõ mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức chưa hợp lý. Thiếu sự liên kết giữa các chương.	Xác định được mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức hợp lý. Có sự liên kết giữa các chương.	Xác định rõ ràng mục tiêu nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu. Các đề mục được tổ chức rất hợp lý. Có sự liên kết chặt chẽ giữa các chương.	
Nội	0 – 3,0	3,1 – 4,0	4,1 – 5,0	5,1 – 6,0	

Tiêu chí đánh giá	Yếu	Trung Bình	Khá	Giỏi	Điểm
đung	Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung không phù hợp với tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Tất cả các phân tích nhận định không có cơ sở. Nhiều ý phân tích thiếu mạch lạc, mâu thuẫn nhau.	Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung chưa phù hợp hoàn toàn vào tên đề tài. Các phân tích còn lan man, chưa chi tiết. Có nhiều phân tích nhận định không có cơ sở.	Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài, nhưng phân tích sơ sài, chưa chi tiết, và chưa tập trung giải quyết toàn bộ được các vấn đề nghiên cứu. Một số phân tích, nhận định thiếu cơ sở.	Những vấn đề chính cần nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, và nội dung phù hợp với tên đề tài. Phân tích chi tiết, và tập trung giải quyết được các vấn đề nghiên cứu. Các phân tích nhận định có cơ sở.	
	0 – 0,4	0,5 – 0,6	0,7 – 0,8	0,9 – 1,0	
Trích dẫn và tài liệu tham khảo	Có rất ít tài liệu tham khảo. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có rất nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Tài liệu tham khảo không phong phú. Không có trích dẫn các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Có nhiều bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn.	Tài liệu tham khảo khá phong phú. Có một số lý thuyết (khái niệm) chưa được trích dẫn. Có một số bảng biểu chưa được đặt tên, đánh số và ghi nguồn đầy đủ.	Tài liệu tham khảo rất phong phú. Có trích dẫn đầy đủ các lý thuyết (khái niệm) được nêu ra trong đề tài. Các bảng biểu được đặt tên, đánh số đầy đủ, được ghi nguồn đầy đủ (trừ những bảng biểu do tác giả tự phân tích, tính toán)	
	0 – 0,9	1,0 – 1,3	1,4 – 1,7	1,8 – 2,0	
Câu văn và từ ngữ	Triển khai các ý thiếu rõ ràng, mâu thuẫn nhau và lộn xộn. Rất nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, rất nhiều lỗi chính tả.	Triển khai các ý thiếu rõ ràng và lộn xộn. Nhiều lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, nhiều lỗi chính tả.	Triển khai các ý thiếu rõ ràng. Có một số lỗi trong sử dụng từ ngữ (chưa phù hợp với hoàn cảnh). Câu văn thiếu mạch lạc, có một số lỗi chính tả.	Triển khai các ý rõ ràng, liên mạch. Sử dụng các từ ngữ phù hợp với hoàn cảnh. Câu văn mạch lạc, không có lỗi chính tả.	
Tổng điểm:					

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 159 tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ		Tỷ lệ %
		LT	TH	
Kiến thức Giáo dục đại cương	42	37	5	26,42
Kiến thức Cơ sở ngành	48	37	11	30,19
Kiến thức chuyên ngành	57	37	20	35,84
Kiến thức tốt nghiệp	12		12	7,55
Tổng cộng	159	111	48	100

8.2. Danh mục học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
8.2.1 Phần kiến thức giáo dục đại cương			39+11*		
Học phần bắt buộc					
1	0301000654	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2	
2	0301000664	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3	
3	0301000666	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	
4	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
5	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	
6	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	
7	0301000948	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4	4	
8	0301000679	Tin học căn bản	2	2	
9	0301000680	Thực hành Tin học căn bản	2		2
10	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
11	0301001061	Sinh thái môi trường	2	2	
12	0301001872	Sinh học phân tử - Thú y	2	2	
13	0301001364	Hóa học đại cương	2	2	
14	0301001366	Thực hành hóa học đại cương	1		1
15	0301001652	Hóa phân tích	2	1	1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
16	0301002036	Sinh học và di truyền động vật	2	2	
17	0301002037	Thực tập Sinh học và di truyền động vật	1		1
18	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8		8
19	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền **			1
20	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá **			
21	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông **			
22	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền **	1		1
23	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá **	1		
24	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông **			
25	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền **	1		1
26	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá **	1		
27	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông **			
Học phần tự chọn			2	2	
28	0301000643	Xã hội học đại cương	2	2	
29	0301000549	Tiếng việt thực hành	2	2	
30	0301000288	Logic học đại cương	2	2	
TỔNG CỘNG			39+11		
8.2.2 Phần kiến thức cơ sở ngành					
Học phần bắt buộc			50 tín chỉ		
1	0301001065	Giải phẫu động vật	2	2	
2	0301001680	TT Giải phẫu động vật	1		1
3	0301001098	Tổ chức phối thai học	2	2	
4	0301001094	Sinh hóa động vật	2	2	
5	0301001658	TT sinh hóa động vật	1		1
6	0301001689	Sinh lý động vật	3	3	
7	0301001687	TT Sinh lý động vật	1		1
8	0301001100	Vi sinh vật đại cương	2	2	
9	0301001691	TT vi sinh đại cương	1		1
10	0301001111	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	2	2	
11	0301001763	TT Dinh dưỡng và thức ăn	1		1
12	0301001125	Dược lý thú y	3	3	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
13	0301001762	TT Dược lý thú y	1		1
14	0301001126	Dược liệu thú y	2	2	
15	0301002031	TT dược liệu thú y	1		1
16	0301001127	Miễn dịch học thú y	2	2	
17	0301002032	TT miễn dịch học thú y	1		1
18	0301001128	Vi sinh vật thú y	2	2	
19	0301001688	TT vi sinh vật thú y	1		1
20	0301001129	Sinh lý bệnh Thú y	2	2	
21	0301001130	Giải phẫu bệnh Thú y	2	2	
22	0301001132	Chẩn đoán bệnh thú y	3	3	
23	0301001768	TT Chẩn đoán bệnh thú y	1		1
24	0301001134	Dịch tễ học thú y	2	2	
25	0301001131	Độc chất học thú y	2	2	
26	0301002034	TT Độc chất học thú y	1		1
27	0301001147	Luật thú y	2	2	
28	0301001091	Tiếng Anh chuyên ngành - CNTY	2	2	
Kiến thức chuyên ngành					
Học phần bắt buộc			47 tín chỉ		
1	0301001808	Sân khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc	3	3	
2	0301001809	TT Sân khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc	1		1
3	0301001136	Bệnh Nội khoa thú y	3	3	
4	0301002038	TT Bệnh Nội khoa thú y	1		1
5	0301001810	Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm	3	3	
6	0301001812	TT Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm	1		1
7	0301001139	Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm	3	3	
8	0301001813	TT Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm	1		1
9	0301002431	Ngoại khoa thú y	3	3	
10	0301002446	TT Ngoại khoa thú y	1		1
11	0301002039	Chăn nuôi lợn	2	2	
12	0301001144	Chăn nuôi gia cầm	2	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
13	0301001104	Chăn nuôi gia súc nhai lại	2	2	
14	0301001109	Thống kê phép thí nghiệm Thú y	2	2	
15	0301002432	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Chăn nuôi Thú y	2	2	
16	0301001146	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	2	
17	0301001814	TT kiểm nghiệm sản phẩm động vật	1		1
18	0301001164	Bệnh dinh dưỡng vật nuôi	2	2	
Học phần tự chọn			8 tín chỉ		
22	0301001816	Tin học ứng dụng trong chăn nuôi, thú y	2	2	
23	0301001817	Nuôi động vật thí nghiệm			
24	0301001153	Bảo quản chế biến sản phẩm động vật	2	2	
25	0301001818	Công nghệ sinh học vật nuôi			
26	0301000533	Thuốc và hóa chất thú y sản			
27	0301001819	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2	2	
28	0301001820	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã			
29	0301001815	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo	2	2	
30	0301001160	Quản lý chất thải chăn nuôi			
31	0301001135	Vệ sinh thú y			
Kiến thức bổ trợ			4 tín chỉ		
1	0301001097	Quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi	2	2	
2	0301002043	Ngoại khóa thú y	2		2
3	0301002044	Niên luận CNTY	2		2
Thực hành nghề nghiệp					
1	0301001156	Thực tập giáo trình ở trang trại	5		5
2	0301001157	Thực hành bệnh xá thú y	5		5
Học phần tốt nghiệp					
1	0301001161	Khóa luận tốt nghiệp	12		
2	0301001162	Tiểu luận tốt nghiệp*	8		
3	0301001163	Miễn dịch vắc xin	2		
4	0301002045	Bệnh động vật truyền lây sang người	2		

8.3. Ma trận tích hợp học phần – chuẩn đầu ra chương trình:

Chẩn đầu ra của chương trình đào tạo														
Môn học	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	S8	S9	S10	S10	S11	S10	C15
Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2								2					2
Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	2								2					2
Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2								2					2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2								2					2
Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	2								2					2
Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	2								2					2
Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	2								2					2
Tin học căn bản	2	2							2					2
Thực hành Tin học căn bản	2													
Pháp luật đại cương	2								2					2
Sinh thái môi trường	2								2					2
Sinh học phân tử - Thú y	2								2					2
Hóa học đại cương	2								2					2
Thực tập hóa học đại cương	2								2					2
Hóa phân tích - Thú y	2								2					2
Sinh học và di truyền động vật	2								2					2
Thực tập Sinh học và di truyền động vật	2								2					2
Giáo dục quốc phòng - an ninh**	2								2					2
Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	2								2					2
Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**	2								2					2
Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**	2								2					2
Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	2								2					2
Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**	2								2					2

Chẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
Môn học	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	S8	S9	S10	S11	S10	C13	C14	C15
Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông **	2								2						
Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền **	2								2						
Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá **	2								2						
Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông **	2								2						
Xã hội học đại cương		2							2						
Tiếng việt thực hành		2							2						
Logic học đại cương		2							2						
Giải phẫu động vật			3						2				2	2	2
TT Giải phẫu động vật			3						2				2	2	2
Tổ chức phổi thai học			3						2				2	2	2
Sinh hóa động vật			3						3				3	3	3
Sinh lý động vật			3						3				3	3	3
TT sinh hóa động vật			3						3				3	3	3
Sinh lý động vật			3						3				3	3	3
TT Sinh lý động vật			3						3				3	3	3
Vi sinh vật đại cương			3						3				3	3	3
TT vi sinh đại cương			3						3				3	3	3
Dinh dưỡng và thực ăn vật nuôi									3				3	3	3
TT Dinh dưỡng và thực ăn vật nuôi									3				3	3	3
Dược lý thú y									3				3	3	3
TT Dược lý thú y									3				3	3	3
Dược liệu thú y									3				3	3	3
TT. dược liệu thú y									3				3	3	3
Miền dịch học thú y									3				3	3	3
Miền dịch học thú y									3				3	3	3
TT miền dịch học thú y									3				3	3	3
Vi sinh vật thú y									3				3	3	3
Thực tập vi sinh vật thú y									3				3	3	3

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
Môn học	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	S8	S9	S10	S10	S11	C13	C14	C15
Sinh lý bệnh thú y		3						3	3	3			3	3	3
Giải phẫu bệnh thú y		3						3	3	3			3	3	3
Chẩn đoán bệnh thú y				3	3			3	3	3			3	3	3
TT Chẩn đoán bệnh thú y				2	3	3	2	2	2	2			2	2	2
Dịch tễ học thú y			3				2	2	2	2	2		2	2	2
Độc chất học thú y			3		3		2	2	2	2	2		2	2	2
TT. Độc chất học thú y			3		3		2	2	2	2	2		2	2	2
Luật thú y			3			3		2					2	2	2
Tiếng Anh chuyên ngành - CNTY								2					2	2	2
Sân khoa và thú y tính nhân tạo gia súc			3				2	2	2	2	2		2	2	2
Sân khoa và thú y tính nhân tạo gia súc			3				2	2	2	2	2		2	2	2
TT Sản khoa và thú y tính nhân tạo gia súc			3				2	2	2	2	2		2	2	2
Bệnh Nội khoa thú y			3				2	2	2	2	2		2	2	2
TT Bệnh Nội khoa thú y			3				2	2	2	2	2		2	2	2
Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm			3				2	2	2	2	2		2	2	2
TT Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm			3				2	2	2	2	2		2	2	2
Bệnh kỹ sinh trung gia súc, gia cầm			3				2	2	2	2	2		2	2	2
TT Bệnh kỹ sinh trung gia súc, gia cầm			3				2	2	2	2	2		2	2	2
Ngoại khoa thú y			3				2	2	2	2	2		2	2	2
TT Ngoại khoa thú y			3				2	2	2	2	2		2	2	2
Chẩn nuôi lớn					3		3	2	2				3	3	3
Chẩn nuôi gia cầm					3		3	2	2				3	3	3
Chẩn nuôi gia súc nhai lại							3	2	2				3	3	3
Thông kê phép thí nghiệm Thú y					3					3			3	3	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học - Chẩn nuôi Thú y														3	3

Chẩn đầu ra của chương trình đào tạo														
Môn học	K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	S8	S9	S10	S10	S11	S10	C15
Kiểm nghiệm sản phẩm động vật				3				2	2	2	2	2	2	2
TT kiểm nghiệm sản phẩm động vật				3				2	2	2	2	2	2	2
Bệnh dinh dưỡng vật nuôi				3		2	2	2	2	2	2	2	2	2
Tin học ứng dụng trong CNTT	2							2	2	2	2	2	2	2
Nuôi động vật thí nghiệm			2	2				2						2
Bảo quản chế biến sản phẩm động vật			2			2		2	2	2	2	2	2	2
Công nghệ sinh học vật nuôi								2						2
Thuốc và hóa chất thủy sản								2						2
Bảo chế và kiểm nghiệm thực phẩm thủy sản							2			2	2	2	2	2
Bảo chế và kiểm nghiệm thực phẩm thủy sản							2			2	2	2	2	2
Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã						2	2							2
Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo				3				2						2
Quản lý chất thải chăn nuôi			2					2	1					2
Vệ sinh thú y			2					2	1					2
Quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi			2		2	2	2	2						2
Ngoại khoa thú y								2						2
Niên luận thú y				2				2						2
Thực tập giáo trình ở trang trại								2	2	2	2	2	2	2
Thực hành bệnh xá thú y								2	2	2	2	2	2	2
Khoa luận tốt nghiệp - Thú y								2						2
Tiểu luận tốt nghiệp*								2						2
Miền dịch vắc xin								2	2	2	2	2	2	2
Bệnh động vật lây truyền sang người				2				2						2

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

Học kỳ 1

TT	Mã số	Tên học phần	Tin chi			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
1	0301000654	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I	2	2		30	30	
2	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2		30	30	
3	0301000679	Tin học căn bản	2	2		30	30	
4	0301000680	Thực tập Tin học căn bản	2	2		60		60
5	0301002036	Sinh học và di truyền động vật	2	2		30	30	
6	0301002037	Thực tập Sinh học và di truyền động vật	1	1		30		30
7	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	60	
8	0301001065	Giải phẫu động vật	2	2		30	30	
9	0301001680	Thực tập Giải phẫu động vật	1	1		30		30
10	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền **	1		1	30		30
11	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá **	1					
12	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông **	1					
Tổng cộng			18+1	18	1	360	210	150

Học kỳ 2

TT	Mã số	Tên học phần	Tin chi			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
1	0301000664	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin II	3	3		45	45	
2	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	60	
3	0301001364	Hóa học đại cương	2	2		30	30	
4	0301001366	Thực tập Hóa học đại cương	1	1		30		30
5	0301001652	Hóa phân tích	2	2		30	30	
6	0301001098	Tổ chức phối thai học	2	2		30	30	
7	0301001094	Sinh hóa động vật	2	2		30	30	
8	0301001658	Thực tập Sinh hóa động vật	1	1		30		30
9	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền **	1		1			30
10	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá **	1					
11	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông **	1					

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
Tổng cộng			18	17	1	315	225	90

Học kỳ 3

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
1.	0301000948	Tiếng Anh định hướng Toeic 3	4	4		60	60	
2.	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
3.	0301001061	Sinh thái môi trường	2	2		30	30	
4.	0301001689	Sinh lý động vật	3	3		45	45	
5.	0301001687	Thực tập Sinh lý động vật	1	1		30		30
6.	0301001100	Vi sinh vật đại cương	2	2		30	30	
7.	0301001691	Thực tập vi sinh đại cương	1	1		30		30
8.	0301000643	Xã hội học đại cương	2					
9.	0301000549	Logic học đại cương	2		2			30
10.	0301000288	Tiếng việc thực hành	2					
11.	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền **	1					
12.	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá **	1		1	30		30
13.	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông **	1					
12	0301000650	Giáo dục quốc phòng an ninh	8	8		165	165 tiết	
Tổng cộng			17+9	15+8	2+1	555	225	330

Học kỳ 4

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
1	0301000666	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45	45	
2	0301001872	Sinh học phân tử - Thú y	2	2		30	30	
3	0301001125	Dược lý thú y	3	3		45	45	
4	0301001762	Thực tập Dược lý thú y	1	1		30		30
5	0301001111	Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	2	2		30	30	
6	0301001763	Thực tập Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	1	1		30		30

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
7	0301001132	Chẩn đoán bệnh thú y	3	3		45	45	
8	0301001768	Thực tập Chẩn đoán bệnh thú y	1	1		30		30
9	0301001128	Vi sinh vật thú y	2	2		30	30	
10	0301001688	Thực tập vi sinh vật thú y	1	1		30		30
Tổng cộng			19	19		345	225	120

Học kỳ 5

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
1	0301002431	Ngoại khoa thú y	2	2		30	30	
2	0301002446	Thực tập Ngoại khoa thú y	1	1		30		30
3	0301001127	Miễn dịch học thú y	2	2		30	30	
4	0301002032	Thực tập miễn dịch học Thú y	1	1		30		30
5	0301001130	Giải phẫu bệnh Thú y	2	2		30	30	
6	0301001129	Sinh lý bệnh Thú y	2	2		30	30	
7	0301001136	Bệnh Nội khoa thú y	2	2		30	30	
8	0301002038	Thực tập Bệnh Nội khoa thú y	1			30		30
9	0301001808	Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc	3	3		45	45	
10	0301001809	Thực tập Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc	1	1		30		30
11	0301001091	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2		30	30	
Tổng cộng			19	19		345	225	120

Học kỳ 6

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
1	0301001144	Chăn nuôi gia cầm	2	2		30	30	
2	0301001147	Luật thú y	2	2		30	30	
3	0301001139	Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm	3	3		45	45	
4	0301001813	Thực tập Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm	1	1		30		30
5	0301001134	Dịch tễ học thú y	2	2		30	30	
6	0301001810	Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm	3	3		45	45	

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
7	0301001812	Thực tập Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm	1	1		30		30
8	0301001097	Quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi	2		2	30	30	
9	0301002043	Ngoại Khóa	2			60		60
10	0301002044	Niên luận	2			60		60
Tổng cộng			16	14	2			

Học kỳ 7

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
1.	0301001164	Bệnh dinh dưỡng vật nuôi	2	2		30	30	
2.	0301002039	Chăn nuôi lợn	2	2		30	30	
3.	0301001104	Chăn nuôi gia súc nhai lại	2	2		30	30	
4.	0301001156	Thực tập giáo trình ở trang trại	5	5		150		150
5.	0301001146	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	2		30	30	
6.	0301001814	Thực tập kiểm nghiệm động vật	1	1		30		30
7.	0301001819	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	2		4	30	60	
8.	0301001820	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã	2			30		
9.	0301001816	Tin học ứng dụng trong chăn nuôi, thú y	2			30		
10.	0301001817	Nuôi động vật thí nghiệm	2			30		
Tổng cộng			18	14	4	360	180	180

Học kỳ 8

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
1	0301001131	Độc chất học thú y	2	2		30	30	
2	0301002034	TT Độc chất học Thú y	1	1		30		30
3	0301001126	Dược liệu thú y	2	2		30	30	
4	0301002031	TT dược liệu thú y	1	1		30		30
5	0301001109	Thống kê phép thí nghiệm Thú y	2	2		30	30	
6	0301001157	Thực hành bệnh xá thú y	5	5		150		150
7	0301002432	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Chăn nuôi Thú y	2	2		30	30	
8	0301001153	Bảo quản chế biến sản phẩm	2		2	30	30	

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
		động vật						
9	0301001818	Công nghệ sinh học vật nuôi	2			30		
10	0301000533	Thuốc và hóa chất thú y sản	2			30		
11	0301001815	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo	2			30		
12	0301001160	Quản lý chất thải chăn nuôi	2		2	30	30	
13	0301001135	Vệ sinh thú y	2			30		
Tổng cộng			19	15	4	390	180	210

Học kỳ 9

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ			Số tiết		
			Tổng	BB	TC	Tổng	LT	TH
1	0301001161	Khóa luận tốt nghiệp	12			360		360
2	0301001162	Tiểu luận tốt nghiệp*	8			240		240
3	0301001163	Miễn dịch vắc xin	2	2	12	30	30	
4	0301002045	Bệnh động vật lây truyền sang người	2	2		30	30	

10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

10.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 (2 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 là phần thứ nhất của học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

10.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 (3 tín chỉ)

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin học phần 2 là phần thứ hai của học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của học phần gồm 6 chương:

Chương IV, V, VI được trình bày dưới dạng ba học thuyết kinh tế do Mác- Lênin đúc kết từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong đó, Học thuyết Giá trị thặng dư là “Hòn đá tảng” trong các học thuyết kinh tế của K. Mác. Để hiểu rõ học thuyết này, sinh viên phải nắm vững Học thuyết Giá trị và những quy luật kinh tế trong sự vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản, làm cơ sở cho việc xác định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân trong sự ra đời của phương thức sản xuất mới.

10.8. LT và TH Tin học căn bản (4 tín chỉ)

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thông mại, các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi ToEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ trung cấp. Tài liệu giảng dạy kiến thức chung cho sinh viên để sinh viên đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu của nhà trường.

10.7. Tiếng Anh định hướng TOEIC 3 (4 tín chỉ)

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thông mại, các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi ToEIC quốc tế.

10.6. Tiếng Anh định hướng TOEIC 2 (4 tín chỉ)

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thông mại, các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

10.5. Tiếng Anh định hướng TOEIC 1 (4 tín chỉ)

Nội dung học phần tập trung vào các chủ đề xã hội, văn hóa, giáo dục và xây dựng con người mới. Từ vựng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Từ vựng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và nghĩa xã hội và con đường qua độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; Từ vựng Hồ Chí Minh về văn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Từ vựng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường qua độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; Từ vựng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Từ vựng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và quốc tế; Từ vựng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Từ vựng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

10.4. Từ vựng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đời sống, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.

10.3. Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Chung VII, VIII gồm những nguyên lý, lý luận về sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Chung IX trình bày khái quát về chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng của nó. Nội dung cốt lõi của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội là sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và những vấn đề có tính quy luật trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng:

Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word.

Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel.

Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint.

Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

10.9. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc nhà nước, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước; nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

10.10. Sinh thái môi trường (2TC)

Học phần Sinh thái môi trường gồm những khái niệm liên quan đến môi trường và sinh thái và các nhân tố môi trường và nhân tố sinh thái, các mối quan hệ tương tác giữa sinh thái học, sinh vật, các quy luật sinh thái học với các từng loại môi trường. Hệ sinh thái, các hệ sinh thái nhạy cảm, ảnh hưởng đến các hệ sinh thái và môi trường khi khai thác tài nguyên thiên nhiên; Các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

10.11. Sinh học phân tử - Thú y (2TC)

Học phần Sinh học phân tử gồm những nội dung về: cấu trúc, chức năng của bốn đại phân tử quan trọng trong tế bào: carbohydrat, lipid, protein và acid nucleic (DNA và RNA), tế bào và các bào quan của nó; vai trò của màng sinh học và sự vận chuyển của các vật liệu xuyên qua màng. Cơ chế biến dưỡng của các đại phân tử, cơ chế tổng hợp năng lượng ATP. Sẽ có một sự nhấn mạnh đặc biệt về cơ chế phân tử của di truyền; cấu trúc và liên kết của DNA, enzyme biến đổi DNA, sao chép DNA, sửa chữa DNA, phiên mã, xử lý RNA, dịch mã và các mã di truyền. Sự điều hòa biểu hiện của gen.

10.12. Hóa học đại cương (2TC)

Sinh viên được học về các khái niệm cơ bản như: thành phần cấu tạo nên vật chất: nguyên tử, phân tử, phân tử cấu trúc, thành phần các hợp chất và các liên kết hoá học, quá trình nhiệt động lực học, động học xảy ra trong phản ứng hoá học, khảo sát dung dịch, nồng độ dung dịch, điện hoá học, ứng dụng của hoá học và dòng điện. Giới thiệu đặc điểm, trạng

thái, tính chất vật lý, hoá học của một số các nguyên tố hoá học điển hình thuộc nhóm A và nhóm B. Đồng thời sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và thuyết trình vấn đề tập thể.

10.13. Thực tập hóa học đại cương (ITC)

Sinh viên sẽ được học về: Các lý thuyết về kiến thức xử lý số liệu, cách thức sử dụng dụng cụ - hóa chất vô cơ. Từ đó, sinh viên biết cách trình bày các vấn đề thực nghiệm một cách khoa học, logic. Các thí nghiệm kiểm chức và khám phá các vấn đề thực tiễn để đối chiếu với lý thuyết về hóa học cơ bản. Đồng thời sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và trình bày báo cáo khoa học thực nghiệm.

10.14. Hóa phân tích - Thú y (2TC)

Khái niệm, vai trò của hóa phân tích, phân loại phương pháp; các khái niệm cơ bản trong hóa phân tích. Nguyên tắc cơ bản, các yếu tố ảnh hưởng, cách tính kết quả trong phương pháp phân tích khối kết tủa. Nguyên tắc, các khái niệm cơ bản, yêu cầu của phản ứng chuẩn độ, phân loại các phương pháp chuẩn độ, cách pha dung dịch tiêu chuẩn, cách xây dựng đường chuẩn độ, lựa chọn chỉ thị, tính toán kết quả trong phương pháp phân tích khối lượng kết tủa.

10.15. Sinh học và di truyền động vật (2TC)

Học phần Di truyền học động vật sẽ cung cấp cho sinh viên biết được quá trình hình thành ngành di truyền học từ Đại cương về di truyền học; Di truyền học Mendel; Sự tương tác gen; Di truyền học nhiễm sắc thể; Bản chất của vật chất di truyền; Đột biến; Di truyền học quần thể và Di truyền học số lượng.

10.16. Thực tập Sinh học và di truyền động vật (ITC)

Nội dung học phần gồm 6 bài: hướng dẫn sinh viên cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị Kính hiển vi trong phòng thí nghiệm. Cách làm các tiêu bản hiển vi quan sát, nhận biết và vẽ các được các loại tế bào động vật, thực vật, các loại bào quan, thể vùi trong tế bào. Cách tiến hành thí nghiệm quan sát các hiện tượng trao đổi chất qua tế bào; cách tiến hành các thí nghiệm chứng minh quá trình quan hợp ở cây xanh. Cách thực hiện tiêu bản quan sát các kỳ của quá trình phân bào nguyên phân và giảm phân ở sinh vật.

10.17. Giáo dục quốc phòng - an ninh (8TC)

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “điển biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

10.18. Giáo dục thể chất 1 (1 tín chỉ)

Nội dung học phần cầu lông cơ bản: Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên

sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.

Nội dung học phần bóng đá cơ bản. Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

Nội dung học phần môn bóng chuyền cơ bản: Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

10.19. Giáo dục thể chất 2 (1 tín chỉ)

Nội dung học phần cầu lông nâng cao 1: giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện

Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 1: Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

- Lý thuyết: Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền

Nội dung học phần bóng đá nâng cao 1: Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

10.20. Giáo dục thể chất 3

Nội dung học phần cầu lông nâng cao 2: Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thể giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 2:

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

Nội dung học phần bóng đá nâng cao 2. Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

10.21. Xã hội học đại cương (2TC) Tự chọn

Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.

10.22. Tiếng việt thực hành (2TC) Tự chọn

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về các loại lỗi và cách sửa các lỗi thường gặp: lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu tạo lập đoạn văn, tóm tắt văn bản, tạo lập đề cương văn bản.

10.23. Logic học đại cương (2TC) Tự chọn

Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.

10.24. Giải phẫu động vật (2TC) (Domestic animal anatomy)

Học phần Giải phẫu động vật gồm những nội dung về vị trí, hình thái, cấu tạo và chức năng của hệ xương khớp, hệ cơ, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tiết niệu – sinh dục, hệ tim mạch, hệ thần kinh và hệ nội tiết. Ngoài ra, còn nghiên cứu mối quan hệ giữa các cơ quan bộ phận trong cơ thể con vật.

10.25. Thực tập Giải phẫu động vật (1TC)

Học phần Thực tập giải phẫu động vật gồm những nội dung về giải phẫu gia súc, gia cầm để xác định vị trí, hình dạng, cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể của gia súc gia cầm

10.26. Tổ chức học phôi thai (2TC)

Học phần Tổ chức học phôi thai gồm những nội dung về cấu tạo vi thể, chức năng của các tổ chức, mô bào, tế bào cơ thể động vật, tổ chức liên kết, biểu mô, tổ chức tiêu hoá, hô hấp,

thần kinh, mạch quản, huyết học, tiết niệu sinh dục và các giai đoạn phát triển của phôi thai gia súc, gia cầm.

10.27. Sinh hóa động vật (2TC)

Học phần sinh hóa động vật gồm những nội dung về thành phần hóa học của tế bào và dịch thể ở cơ thể động vật. Vai trò và quá trình trao đổi chất của protein, glucid, lipid, và enzym. Mối quan hệ giữa các quá trình trao đổi chất ở động vật.

10.28. TT sinh hóa động vật (1TC)

Học phần Thực tập sinh hóa động vật gồm những nội dung về xác định định tính của protein, glucid, lipid, và enzym.

10.29. Sinh lý động vật (3TC) Animal Physiology

Học phần Sinh lý động vật gồm những nội dung về chức năng của tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa chúng với môi trường sống, đồng thời nghiên cứu về sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho cơ thể tồn tại, phát triển và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường.

10.30. TT Sinh lý động vật (1TC)

Học phần Thực tập sinh lý động vật gồm những nội dung về chức năng của hệ tuần hoàn máu, chức năng hệ hô hấp, phản xạ của hệ thần kinh...

10.31. Vi sinh vật đại cương (2TC) General microbiology

Học phần Vi sinh vật đại cương gồm những nội dung về cấu tạo, đặc điểm sinh trưởng, phát triển, sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ứng dụng các đặc tính của vi sinh vật vào nông nghiệp, cải tạo môi trường, chế biến và bảo quản thực phẩm.

10.32. TT vi sinh đại cương (1TC)

Học phần Thực tập vi sinh vật đại cương gồm những nội dung pha chế môi trường nuôi cấy vi sinh vật; Nuôi cấy phân lập được vi sinh vật, tính được mật số vi khuẩn, nhuộm Gram vi khuẩn

10.33. Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi (3TC)

Học phần Dinh dưỡng và thức ăn động vật gồm những nội dung về vai trò của dưỡng chất trong thức ăn đối với vật nuôi, đặc điểm của một số thức ăn thường được sử dụng trong chăn nuôi, nhu cầu dinh dưỡng, sự tiêu hóa và hấp thu thức ăn, cách chế biến và bảo quản một số thức ăn trong chăn nuôi.

10.34. TT Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi (1TC)

Học phần Thực tập dinh dưỡng và thức ăn động vật gồm những nội dung về phân tích hàm lượng nước, đường, đạm, béo, xơ và nhận dạng một số loại thức ăn chăn nuôi cũng như tính được khẩu phần thức ăn cho vật nuôi vừa khoa học và kinh tế.

10.35. Dược lý thú y (3TC) Veterinary pharmacology

Học phần Dược lý thú y gồm những nội dung về hóa dược, cách sử dụng, phối hợp và bảo quản các loại thuốc như vaccin, thuốc kháng sinh, thuốc trị ký sinh trùng, thuốc sát trùng,

thuốc hạ sốt, giảm đau và chống viêm, thuốc kích thích sinh sản và các loại vitamin để ứng dụng trong phòng bệnh và trị bệnh.

10.36. TT Dược lý thú y (1TC)

Học phần Dược lý thú y gồm những nội dung về nhận dạng thuốc thú y, Kiểm tra sự hấp thu và thải trừ của thuốc, Thử hiệu lực của thuốc đối với con vật, các con đường đưa thuốc vào cơ thể con vật.

10.37. Dược liệu thú y (2TC) Veterinary herbal Medicine

Học phần Dược liệu thú y gồm những nội dung về vai trò, tác dụng của các nhóm dược liệu nguồn gốc thực, động vật, khoáng chất dùng làm thuốc phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm; Nguyên lý, cơ sở khoa học sử dụng; Phân bố, phương pháp khai thác, bảo quản, chế biến bảo quản dược liệu thú y.

10.38. TT. dược liệu thú y (1TC)

Học phần Thực tập Dược liệu thú y gồm những nội dung về kiểm tra hiệu quả của một số dược liệu dùng trong điều trị bệnh cho vật nuôi. Nhận dạng dược liệu, phương pháp khai thác, bảo quản, chế biến bảo quản dược liệu thú y.

10.39. Miễn dịch học thú y (2TC)

Học phần Miễn dịch học thú y gồm những nội dung về đáp ứng miễn dịch, các tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch trong cơ thể, các đặc tính của kháng nguyên - kháng thể, chức năng và cơ chế miễn dịch chống lại các bệnh do (vi khuẩn, virus, ký sinh trùng), ứng dụng miễn dịch trong chẩn đoán và phòng trị bệnh.

10.40. TT miễn dịch học thú y (1TC)

Học phần Thực tập Miễn dịch học thú y gồm những nội dung thực hành phản ứng ngưng kết hồng cầu; Phản ứng miễn dịch lâm sàng trong truyền máu thú y và huyết liệu máu; phản ứng miễn dịch; các ứng dụng miễn dịch trong chẩn đoán bệnh, vaccin dùng trong phòng bệnh gia súc, gia cầm.

10.41. Vi sinh vật thú y (2TC) Veterinary microbiology

Học phần Vi sinh vật thú y gồm những nội dung về vi sinh vật, đặc tính sinh học của vi sinh vật gây bệnh cho động vật, kỹ thuật xét nghiệm vi sinh vật học thú y, nguyên lý chế tạo, bảo quản và sử dụng vaccine, kháng huyết thanh.

10.42. Thực tập vi sinh vật thú y (1TC)

Học phần thực tập Vi sinh vật thú y gồm những nội dung về nuôi cấy phân lập vi sinh vật gây bệnh cho động vật, kiểm tra đặc tính sinh hóa của vi sinh vật và thực hiện kháng sinh đồ đối với vi sinh vật.

10.43. Sinh lý bệnh thú y (2TC)

Học phần Sinh lý bệnh gồm những nội dung cơ bản về rối loạn điều hòa thân nhiệt, rối loạn chuyển hóa các chất, rối loạn hệ thống máu, sinh lý bệnh hệ thống: tuần hoàn, tiêu hóa, hô

hấp tiết niệu, gan, nội tiết. Từ đó, tìm ra được quy luật hoạt động của cơ thể bị bệnh, để có phương pháp suy luận trong chẩn đoán và điều trị bệnh trên gia súc và gia cầm.

10.44. Giải phẫu bệnh thú y (2TC)

Học phần Giải phẫu bệnh thú y gồm những nội dung về những thay có hệ thống từng cơ quan hay bộ máy như hệ thống tuần hoàn - tim, hệ thống hô hấp, hệ thống bài tiết, hệ thống sinh dục và ghi nhận những thay đổi bệnh lý gây ra bởi những bệnh cảm nhiễm, ký sinh trùng, suy dinh dưỡng, thương tích. Mỗi liên hệ giữa hình thái và chức năng, góp phần giải thích được những biểu hiện lâm sàng của bệnh, để đánh giá kết quả chẩn đoán.

10.45. Chẩn đoán bệnh thú y (3TC) Veterinary diagnosis)

Môn học chẩn đoán bệnh thú y giới thiệu những nội dung cơ bản về đại cương, chẩn đoán bệnh học, phương pháp khám và điều trị bệnh. Các phương pháp khám bệnh (khám lâm sàng và cận lâm sàng). Khám hệ tiêu hoá, hệ tim mạch, hệ tiết niệu, hệ hô hấp và khám hệ thần kinh...

10.46. TT Chẩn đoán bệnh thú y (1TC)

Thực tập chẩn đoán bệnh thú y gồm những nội dung thực hành như tiếp cận gia súc, gia cầm; các phương pháp khám bệnh lâm sàng đối với gia súc và gia cầm; chẩn đoán phi lâm sàng đối với gia súc, gia cầm.

10.47. Dịch tễ học thú y (2TC)

Học phần Dịch tễ học thú y gồm những nội dung như khái niệm dịch tễ học, mô tả các loại dịch bệnh, các phương pháp nghiên cứu và điều tra dịch bệnh, đánh giá kết quả thử nghiệm, đề ra biện pháp khống chế và thanh toán dịch bệnh.

10.48. Độc chất học thú y (2 TC)

Nội dung của học phần độc chất học thú y trình bày những khái niệm chung về độc chất học; Thuốc bảo vệ thực vật; Một số chất độc vô cơ; Chất độc có nguồn gốc thực vật; Kháng sinh; Độc tố nấm mốc và vi khuẩn; Một số chất khí độc trong chuồng nuôi.

10.49. TT. Độc chất học thú y (1TC)

Thực hành Độc chất học thú y gồm những nội dung thực hành như xác định hàm lượng hàn the có trong sản phẩm động vật; khảo sát dư lượng kháng sinh trong thịt gia súc, gia cầm; khảo sát sự ngộ độc do các chất độc từ thực vật - Nitrate, Xác định độc tố vi khuẩn *Escherichia coli*, Phương pháp xác định đề kháng với kháng sinh của các chủng *E. coli*

10.50. Luật thú y (2TC)

Học phần Luật thú y gồm những nội dung về những quy định của luật pháp về chuyên ngành Thú y và những hướng dẫn thi hành các Luật thú y năm 2015

10.51. Tiếng Anh chuyên ngành - Thú y (2TC)

Học phần Anh văn chuyên ngành thú y gồm những nội dung về những thuật ngữ chuyên môn về chuyên ngành thú y như: cấu tạo cơ thể, sinh lý, dược lý, chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc- gia cầm

10.52. Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc (3TC)

Học phần Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gồm những nội dung về sinh lý sinh sản gia súc đực và cái, cách xác định gia súc lên giống, phương pháp chẩn đoán gia súc có thai, đỡ đẻ, can thiệp đẻ khó ở gia súc cũng như phương pháp lấy tinh, kiểm tra – đánh giá chất lượng tinh dịch, kỹ thuật gieo tinh nhân tạo, công nghệ sản xuất tinh đông lạnh và công nghệ bảo tồn tinh dịch.

10.53. TT Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc (1TC)

Thực tập sản khoa và thụ tinh nhân tạo gồm những nội dung thực hành như: kiểm tra chất lượng tinh trùng, tinh dịch; pha chế tinh dịch; Xác định thời kỳ phối giống thích hợp nhất ở gia súc và đỡ đẻ gia súc

10.54. Bệnh Nội khoa thú y (3TC) Veterinary internal medicine

Học phần Bệnh nội khoa thú y gồm những nội dung về điều trị bệnh, nghiên cứu nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và biện pháp phòng trị các bệnh ở các cơ quan nội tạng như: tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết, thần kinh, dinh dưỡng, trao đổi chất và trứng độc.

10.55. TT Bệnh Nội khoa thú y (1TC)

Thực tập Bệnh nội khoa thú y gồm những nội dung thực hành như: điều trị bệnh gia súc, gia cầm; Đưa thuốc vào cơ thể gia súc; truyền dịch cho gia súc; chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc

10.56. Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm (3TC)

Học phần Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm gồm những nội dung về các nguyên nhân truyền nhiễm gây bệnh trên động vật, cơ chế lây bệnh, sự phát sinh dịch bệnh, đặc biệt tính miễn dịch của cơ thể động vật đối với vi sinh vật gây bệnh. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm và phương pháp phòng và trị bệnh.

10.57. TT Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm (1TC)

Thực tập Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm gồm những nội dung thực hành như chẩn đoán bệnh lâm sàng và lập hồ sơ bệnh án; điều trị bệnh truyền nhiễm gia súc gia cầm; mổ khám bệnh tích và lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm; phòng bệnh bằng vaccin cho gia súc, gia cầm.

10.58. Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm (3TC)

Học phần Bệnh Ký sinh trùng thú y gồm những nội dung về đặc điểm của ký sinh trùng, nguyên nhân gây bệnh, cơ chế gây bệnh, triệu chứng, bệnh tích, phương pháp chẩn đoán và phòng – trị một số bệnh sán lá, sán dây, giun tròn, bệnh do nguyên sinh động vật và bệnh do các loài ngoại ký sinh trùng trên gia súc – gia cầm.

10.59. TT Bệnh ký sinh trùng gia súc, gia cầm (1TC)

Thực tập Bệnh ký sinh trùng thú y gồm những nội dung thực hành như: xét nghiệm phân tìm trứng giun sán; mổ khám để tìm ký sinh trùng; tẩy trừ giun sán.

10.60. Ngoại khoa thú y (3TC)

Học phần Ngoại khoa thú y gồm những nội dung về các nguyên tắc của phẫu thuật, nguyên tắc vô trùng trong phẫu thuật, cách sử dụng các dụng cụ phẫu thuật, chuẩn bị phẫu thuật viên, chuẩn bị thú trước khi mổ và các loại thuốc tê/mê và một số trường hợp ngoại khoa thường gặp trên gia súc như hernia, sa trực tràng, cắt sừng, mổ thai, mổ dạ cỏ.

10.61. TT Ngoại khoa thú y (1TC)

Thực tập Ngoại khoa thú y gồm những nội dung thực hành như đề phòng nhiễm trùng khi phẫu thuật ngoại khoa; Sử dụng dụng cụ phẫu thuật; May vết thương; thiến gia súc đực, cái; phẫu thuật ngoại khoa khác.

10.62. Chăn nuôi lợn (2TC) Pig Production

Học phần Chăn nuôi lợn gồm những nội dung về vai trò, phương pháp, kỹ thuật chăn nuôi lợn ứng với từng giai đoạn phát triển của lợn cũng như cách quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng phù hợp với từng phương thức chăn nuôi lợn.

10.63. Chăn nuôi gia cầm (2TC) Poultry production

Học phần Chăn nuôi gia cầm gồm những nội dung về nguồn gốc và đặc điểm các giống gia cầm phổ biến, trứng và kỹ thuật ấp trứng gia cầm, nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn nuôi gia cầm, kỹ thuật nuôi gia cầm ở từng loại gia cầm, hình thức tổ chức và quản lý đàn gia cầm.

10.64. Chăn nuôi gia súc nhai lại (2TC) Cattle and Buffalo productions

Học phần Chăn nuôi trâu bò gồm những nội dung về vai trò, phương pháp, kỹ thuật chăn nuôi trâu bò ứng với từng giai đoạn phát triển của trâu bò cũng như cách quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng phù hợp với từng phương thức chăn nuôi trâu bò.

10.65. Thống kê phép thí nghiệm (2TC)

Học phần thống kê phép thí nghiệm gồm những nội dung cơ bản về xác suất thống kê, trung bình, độ lệch chuẩn, phương sai, tổng thể, mẫu, hệ số tương quan, kiểm định giả thuyết.

10.66. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học gồm những nội dung về các phương pháp điều tra chọn mẫu và xác định cỡ mẫu trong thống kê. Đồng thời, nghiên cứu khoa học, phương pháp chọn đề tài khoa học, phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày một báo cáo khoa học.

10.67. Kiểm nghiệm sản phẩm động vật (2TC)

Học phần Kiểm nghiệm sản phẩm động vật gồm những nội dung về trình tự về khám thú sống, giết mổ, khám thịt và phủ tạng tại cơ sở giết mổ, các chất tồn dư, phương pháp xét nghiệm vệ sinh sản phẩm động vật và các biến đổi của thịt sau khi giết mổ.

10.68. TT kiểm nghiệm sản phẩm động vật (1TC)

Thực tập kiểm nghiệm sản phẩm động vật gồm những nội dung thực hành như: Khám thú sống; Khám theo dõi trong qui trình giết thịt; Khám thịt (sau khi giết mổ); Khám đầu; Khám nọng; Khám thân trong; Đóng dấu; Xử lý khi khám thịt

10.69. Bệnh dinh dưỡng (2TC)

Học phần bệnh dinh dưỡng gia súc gồm những nội dung về nguyên nhân gây bệnh, cơ chế gây bệnh, triệu chứng, bệnh tích, phương pháp chẩn đoán và phòng – trị một số bệnh do thiếu dinh dưỡng.

10.70. Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo (2TC)

Học phần Chăn nuôi và phòng trị bệnh chó mèo gồm những nội dung về đặc điểm, tính năng của các giống chó nuôi phổ biến ở nước ta. Nhu cầu các chất dinh dưỡng, nguồn thức ăn, cách chế biến và bảo quản thức ăn nuôi chó. Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho chó

10.71. Thực tập trang trại (5TC)

Học phần Thực hành trang trại gồm những nội dung về qui trình vệ sinh, phòng bệnh, phòng dịch; qui trình tiêm phòng các bệnh cho gia súc, gia cầm; tình hình quản lý dịch bệnh trong đàn: bệnh sản khoa, bệnh nội khoa, bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh dinh dưỡng; tình hình sử dụng thuốc thú y trong phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm ở các trại chăn nuôi.

10.72. Thực tập bệnh xá Thú y (5TC)

Học phần Thực tập bệnh xá Thú y gồm những nội dung về những công việc tham gia trực tiếp vào công tác tiêm phòng và chữa bệnh cho vật nuôi của các thú y cơ sở như: điều tra và phân tích các dữ liệu dịch tễ thú y; Tham gia trong công tác tiêm phòng dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; Chẩn đoán các bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi.

10.73. Tin học ứng dụng trong CNTY (2 TC) tự chọn

Thực tập Tin học ứng dụng trong Thú y gồm những nội dung cơ bản về phân tích số liệu thống kê của thí nghiệm 1 nhân tố, 2 nhân tố; phân tích trung bình; phân tích mỗi tương quan cũng như tìm ra phương trình hồi qui tuyến tính.

10.74. Nuôi động vật thí nghiệm (2 TC) tự chọn

Học phần Nuôi động vật thí nghiệm gồm những nội dung về công tác giống, dinh dưỡng, quản lý và chăm sóc từng loại động vật thí nghiệm (chuột bạch, chuột lang, thỏ, chuột cống) sử dụng chúng trong thí nghiệm, trong các mục đích nghiên cứu khác nhau, một cách hiệu quả và chính xác nhất.

10.75. Bảo quản chế biến sản phẩm động vật (2 TC) tự chọn

Học phần bảo quản và chế biến sản phẩm động vật gồm những nội dung thành phần dinh dưỡng của thịt, những biến đổi của thịt sau khi giết mổ, hình thức giám phẩm chất thịt và sự hư hỏng và phương pháp bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng và sữa).

10.76. Công nghệ sinh học vật nuôi (2 TC) tự chọn

Học phần công nghệ sinh học vật nuôi gồm những nội dung thực hành về sinh học phân tử và kỹ thuật PCR giải trình tự gene để tìm ra mối quan hệ họ hàng của gia súc, gia cầm.

10.77. Thuốc và hóa chất thủy sản (2 TC) tự chọn

Học phần Thuốc và hóa chất Thủy sản gồm những nội dung như tính chất, tác dụng của thuốc và hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản

10.78. Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y (2 TC) tự chọn

Học phần Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y gồm những nội dung về nghiệp vụ của công tác kiểm nghiệm dược, các phương pháp và chỉ tiêu kiểm nghiệm một số dạng bào chế thuốc.

10.79. Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã (2 TC) tự chọn

Tiếp cận một sức khỏe trong quản lý bệnh ĐVHD và vai trò của ĐVHD trong quản lý dịch bệnh; (2) Chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý ĐVHD; (3) Bảo tồn ĐVHD; (4) Những bệnh thường gặp ở ĐVHD thuộc lớp bò sát; lớp chim và lớp thú..

10.80. Vệ sinh thú y (2 TC) tự chọn

Học phần Vệ sinh thú y gồm những nội dung về vệ sinh môi trường ứng dụng trong chăn nuôi thú y; Các nguyên tắc vệ sinh thức ăn và nước uống, vệ sinh vận chuyển, vệ sinh chuồng trại, vệ sinh phòng bệnh; Vệ sinh thú y bảo vệ sức khỏe cộng đồng; Vệ sinh và phòng các bệnh truyền lây giữa người và động vật; Quản lý rác thải và xử lý rác thải chăn nuôi.

10.81. Quản lý chất thải chăn nuôi (2 TC) tự chọn

Học phần quản lý chất thải chăn nuôi gồm những nội dung như: thực trạng chất thải chăn nuôi, xử lý và quản lý chất thải chăn nuôi

10.82. Quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi (2 TC) tự chọn

Học phần quản lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi gồm những nội dung như: thực trạng về bệnh của đàn vật nuôi; biện pháp quản lý và xử lý dịch bệnh trên đàn vật nuôi

10.83. Ngoại khóa thú y (2 TC) tự chọn

Thực tập ngoại khóa gồm những nội dung như tham quan công ty sản xuất thuốc thú y, sản xuất vaccin, nhà máy chế biến thức ăn; lò giết mổ gia súc gia cầm qui mô công nghiệp; nhà máy chế biến sản phẩm động vật.

10.84. Niên luận thú y (2 TC) tự chọn

Niên luận gồm những nội dung như: nghiên cứu một nội dung thuộc kinh vực về bệnh gia súc, gia cầm; Phát đồ điều trị bệnh gia súc, gia cầm hiệu quả; Phương pháp chẩn đoán bệnh gia súc, gia cầm

10.85. Thực tập tốt nghiệp - Thú y (6TC)

Học phần tốt nghiệp gồm những nội dung về những công việc tham gia trực tiếp vào công tác tiêm phòng và chữa bệnh cho vật nuôi của các thú y cơ sở như: điều tra và phân tích các dữ liệu dịch tễ thú y; Tham gia trong công tác tiêm phòng dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; Chẩn đoán các bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi.

10.86. Khóa luận tốt nghiệp - Thú y (8TC)

Sau khi kết thúc các học phần bắt buộc nói trên, mỗi sinh viên phải nghiên cứu đề tài khóa luận tốt nghiệp theo hình thức sau: thực hiện các đề tài nghiên cứu tại phòng thí nghiệm; tại phòng khám thú y hoặc trại chăn nuôi có hướng dẫn của giảng viên, có báo cáo thông qua bộ môn và bảo vệ trước hội đồng đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp.

10.87. Tiểu luận tốt nghiệp - Thú y (4TC)

Sau khi kết thúc các học phần bắt buộc nói trên, mỗi sinh viên phải nghiên cứu đề tài tiểu luận tốt nghiệp theo hình thức sau: thực hiện các đề tài nghiên cứu tại phòng thí nghiệm; tại phòng khám thú y hoặc trại chăn nuôi có hướng dẫn của giảng viên, có báo cáo thông qua bộ môn và bảo vệ trước hội đồng đánh giá báo cáo tiểu luận tốt nghiệp.

10.88. Miễn dịch vắc xin (2 TC)

Học phần Miễn dịch vaccin gồm những nội dung về miễn dịch học và công nghệ sản xuất vaccin dùng trong phòng bệnh gia súc gia cầm

10.89. Bệnh động vật lây truyền sang người (2 TC)

Học phần Bệnh động vật lây truyền sang người tìm hiểu nguyên nhân, phương thức lây truyền, đối tượng mắc bệnh, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, chẩn đoán và phòng trị bệnh vật nuôi

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo Kỹ sư Thú y hệ chính quy **170 tín chỉ** (bao gồm Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có 53 tín chỉ giáo dục đại cương, 48 tín chỉ cơ sở ngành, 69 tín chỉ kiến thức ngành và tốt nghiệp, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

+ **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo Khoa Sinh học ứng dụng phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.

+ **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số lượng sinh viên lựa chọn học phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định, bao gồm chọn 2 tín chỉ học phần khoa học xã hội, chọn 12 tín chỉ các học phần chuyên ngành và học thêm 4 tín chỉ và làm tiểu luận tốt nghiệp nếu sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.

+ **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Khoa Sinh học ứng dụng sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Phòng Đào tạo và

Khoa Sinh học ứng dụng sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện chương trình chi tiết đã được duyệt.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

Trần Công Luận

TRƯỞNG P. ĐÀO TẠO

Lê Phú Nguyễn Hải

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Bá